TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 247/2018/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X,xã B, huyện B, thành phố Hải Phòng

- Bị đơn: Chị Đặng Thị H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn S,xã G, huyện B, thành phố Hải Phòng

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng NN, chi nhánh huyện B, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh H, Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, Đông Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, Phó Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng NN, chi nhánh huyện B, Đông Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 225).

Anh Bùi Quang L và chị Bùi Thị Th; cùng địa chỉ: Thôn KL, xã TL, huyện B, thành phố Hải Phòng.

Ông Đặng Đình B và bà Vũ Thị H; cùng địa chỉ: Thôn S,xã G, huyện B, thành phố Hải Phòng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Q và chị H cùng xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Anh Q và chị H cùng xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Q và chị H cùng xác nhận anh, chị có nợ chung là:

Anh Q, chị H vay Ngân hàng NN, chi nhánh huyện B, Đông Hải Phòng số tiền gốc là 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201602054/HĐTD; và dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 1160 m^2, thửa đất số 645, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX606015 ngày 25/11/2014 cho hộ ông Đặng Đình Bẩy ở thôn 8, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất trên; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 2107-LCP-201401224/HĐTC, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 2107-LCP-201401224-01/PLHĐTC; nợ lãi tính đến ngày 30/10/2018 là 133.933.333 đồng; tổng số tiền anh Q, chị H nợ ngân hàng tính đến ngày 30/10/2018 là 533.933.333 đồng.

Anh Q, chị H vay vợ chồng anh Bùi Quang L và chị Bùi Thị Th số nợ gốc là 120.000.000 đồng.

Tổng số nợ chung anh Q và chị H phải trả là 653.933.333 đồng. Nay, anh Q và chị H thỏa thuận mỗi bên có trách nhiệm trả ½ tổng số nợ trên. Cụ thể: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H mỗi người phải trả Ngân hàng NN, chi nhánh huyện B, Đông Hải Phòng số nợ gốc và lãi tính đến hết tháng 10 năm 2018 là **266.966.666** (hai trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng; trả vợ chồng anh Bùi Quang L, chị Bùi Thị Th số tiền **60.000.000** (sáu mươi triệu) đồng.

Trường hợp anh Q, chị H không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng NN, chi nhánh huyện B, Đông Hải Phòng sẽ tiến hành các biện pháp thu hồi đủ số nợ trên theo nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201602054/HĐTD, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 2107-LCP-201401224/HĐTC, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 2107-LCP-201401224-01/PLHĐTC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Bùi Quang L và bà Bùi Thị Th (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Xuân Q và chị và chị Đặng Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201602054/HĐTD.

2.5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H mỗi người phải chịu: {20.000.000 + [4% x (653.933.333 – 400.000.000)]}:4 = 7.539.333 (bảy triệu lăm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Xuân Q và chị Đặng Thị H mỗi người phải chịu: 7.539.333 + 75.000 = **7.614.333** (bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Anh Quyền đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/8046 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh Quyền còn phải chịu **7.314.333** (bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị H số tiền **7.670.667** (bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001226 ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;

THẨM PHÁN

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Gi, huyện B, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Tuyến